

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 13-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Hiệp

Ông Nguyễn Nhựt Thảo

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 Tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021 đối với Các Bị cáo:

1/ T V P, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1995, tại phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm P Q, phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Khóm P Q, phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T T K, sinh năm 1976, còn sống và bà T T T P, sinh năm 1978, còn sống; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18-11-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 14 tháng, về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, đến ngày 11-10-2020 chấp hành xong; Nhân thân: Ngày 22-12-2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa

vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng, về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, đến ngày 30-4-2018 chấp hành xong.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ D H H, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1995, tại xã L P, huyện T T, tỉnh An Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A L, xã L P, huyện T T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp A L, xã L P, huyện T T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông D V Ú, sinh năm 1962, còn sống và bà L T N T, sinh năm 1959, còn sống; Có vợ tên N T C T, sinh năm 1999; Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Đ V T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà C T P T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang.

Theo Giấy ủy quyền được xác lập giữa ông Đ V T với bà C T P T. Được Văn Phòng Công chứng H T P công chứng ngày 21-12-2021, số công chứng 233/2021; Quyển số 05/I TP/CC-SCC/HĐGD.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà H C G (N Ý), sinh năm 2000

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Ông N H P, sinh năm 1993

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03-12-2021.

3/ Ông N Q Đ, sinh năm 1990

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03-12-2021.

- *Người làm chứng*: Ông Đ V N, sinh năm 1949

Nơi cư trú: Ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 09 giờ ngày 23-4-2021, T V P lấy cây đoản bằng kim loại, dài 7,5 cm, cất giấu trong túi quần rồi rủ N H P đi về nhà mẹ ruột của P tại thành phố L X, tỉnh An Giang để xin tiền thì P đồng ý. Khoảng giữa trưa cùng ngày P điều khiển xe mô tô biển số 67B2 – 104.32 của P chở P đi theo hướng T T – Lộ Tẻ trên tỉnh lộ 941 từ thị trấn T T, huyện T T để đi đến thành phố L X, tỉnh An Giang. Khi đến khu vực ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang. P nhìn thấy xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 của Đ V T dựng trong tiệm sửa xe có bảng hiệu “*Vá ép, bơm hơi, vô ga*” cặp lề đường bên phải hướng T T – Lộ Tẻ, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. P kêu P dừng xe cặp lề đường bên trái hướng T T – Lộ Tẻ để P đi vệ sinh, P dừng xe theo yêu cầu của P, P đi vệ sinh rồi đi đến nơi dựng xe mô tô biển số 67N1 – 510.70, quan sát không thấy ai nên lén lút dùng cây đoản mở khóa lấy trộm xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 chạy về nhà trọ (không rõ bảng hiệu) tại thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang cất giấu. Riêng P khi thấy P lấy trộm xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 đã điều khiển xe mô tô biển số 67B2 – 104.32 bỏ đi trước.

Khoảng 19 giờ ngày 24-4-2021, P nhờ D H H bán giùm xe mô tô biển số 67N1 – 510.70, H biết rõ xe mô tô do P trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý bán giùm.

Khoảng 17 giờ ngày 25-4-2021, H mang xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 nhờ N Q Đ tìm người bán xe giùm; Đ không biết xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 do trộm cắp mà có nên điện thoại cho V V T đến mua xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 với giá 4.000.000 đồng. Sau khi bán được xe mô tô, H đưa cho V T G 2.000.000 đồng nhờ G đưa cho P, còn lại 2.000.000 đồng H mượn và sau đó đã trả lại P. Số tiền bán xe được P sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện xe mô tô bị mất trộm, Đ V T đã đến Công an xã V A trình báo.

Tại kết luận định giá tài sản số 46/KL.HĐ ngày 07-6-2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67N1 – 510.70, nhãn hiệu: Honda, loại: Future Neo KVL5, màu: Đen – Xám, số máy: JC35E2728881, số khung: RLHJC35078Y617446, có giá trị 30.000.000 đồng x 30% = 9.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 9.000.000 đồng.

Ngày 08-9-2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố vụ án số 81 về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; khởi tố bị can số 71 đối với T V P về tội “*Trộm cắp tài sản*” và khởi tố bị can số 72 đối với D H H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo T V P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu, phù hợp với lời khai của bị hại ông Đ V T, người làm chứng ông Đ V N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan ông N H P, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo D H H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo T V P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N Q Đ. H không hứa hẹn trước nhưng biết rõ xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 do P trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ giùm P.

Trong quá trình điều tra: Bị hại ông Đ V T trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Ông T yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự của 2 bị cáo theo quy định pháp luật, ông T không yêu cầu 2 bị cáo bồi thường thiệt hại (bút lục 39, 40). Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại bà C T P T yêu cầu bị cáo T V P bồi thường thiệt hại giá trị xe là 9.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra:

Người làm chứng ông Đ V N trình bày như nội dung vụ án đã nêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H C G trình bày: Bà là bạn gái của T V P. Bà không biết P lấy trộm xe mô tô biển số 67N1 – 510.70

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N H P, ông N Q Đ trình bày như nội dung vụ án đã nêu. P không biết mục đích đi trộm cắp tài sản của P và cũng không bàn bạc, thỏa thuận gì trước với P về việc trộm cắp tài sản. Đ không biết xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 mà H nhờ bán giùm là tài sản do trộm cắp mà có. P và Đ không hưởng lợi gì từ việc tiêu thụ xe mô tô trên.

Ông V M V trình bày: Xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 là tài sản của ông đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Tháng 8/2020, ông đã bán xe trên cho người khác không nhớ họ tên, địa chỉ; chưa làm thủ tục sang tên. Hiện ông không còn sở hữu xe mô tô biển số 67N1 – 510.70.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

Hành vi của bị cáo T V P đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”. Bị cáo là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Vào khoảng giữa trưa ngày 23-4-2021, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số: 67N1 – 510.70, nhãn hiệu: Honda, loại: Future Neo KVLS, màu: Đen – Xám, số máy: JC35E2728881, số khung: RLHJC35078Y617446 có giá trị 9.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo P đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông T; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Hành vi của bị cáo D H H đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Bị cáo không hứa hẹn trước nhưng biết rõ xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 do bị cáo P trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ giùm bị cáo P. Hành vi của bị

cáo đã xâm phạm trật tự công cộng; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản số 46/KL.HĐ ngày 07-6-2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành không thu hồi được tài sản do bị cáo chiếm đoạt là xe mô tô biển số 67N1 – 510.70.

Bản cáo trạng số 50/CT-VKSCT-HS ngày 19-11-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố:

1/ Bị cáo T V P về tội: *“Trộm cắp tài sản”* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2/ Bị cáo D H H về tội: *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo T V P mức án tù từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội *“Trộm cắp tài sản”*.

Căn cứ: khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo D H H mức án tù từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

*Phân bồi thường dân sự: Quá trình điều tra bị hại ông Đ V T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại là bà C T P T yêu cầu bị cáo T V P bồi thường thiệt hại giá trị xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 là 9.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo P đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông T 9.000.000 đồng. Căn cứ Điều 46 và Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại giá trị xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 cho bị hại là 9.000.000 đồng.

*Tang vật liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành không thu hồi được tài sản do bị cáo chiếm đoạt là xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 nên không đặt ra xem xét.

*Đối với:

- T V P: Vào các ngày 28-4-2021, 22-5-2021 và 27-5-2021 đã có hành vi trộm cắp tài sản; ngày 02-6-2021, đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên địa bàn huyện Tri Tôn và huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang; đến ngày 29-9-2021, Pháp bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tổng hợp hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù.

- D H H: Vào các ngày 28-4-2021 và 22-5-2021, Dương Hòa Hải và Trần Văn Pháp đã có hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tri Tôn và huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang; đến ngày 29-9-2021, Hải bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- N Q Đ: Khi Đ bán xe mô tô biển số 67N1 – 510.70, Đ không biết xe mô tô trên do phạm tội mà có nên không xử lý.

- N H P: P không biết mục đích đi trộm cắp tài sản của T V P và cũng không bàn bạc, thỏa thuận gì trước với P về việc trộm cắp tài sản nên không xử lý. Ngoài ra, P có hành vi không tố giác tội phạm trộm cắp tài sản nhưng không thuộc một trong các tội quy định tại Điều 390 của Bộ Luật Hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P.

- V V T, V T G: T và G không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo T V P: Bị cáo rất ăn năn, hối cải, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo còn về lo cho gia đình.

Bị cáo D H H: Bị cáo rất ăn năn, hối cải, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo còn về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong vụ án này có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N H P, ông N Q Đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Đối với tội “Trộm cắp tài sản”:* Vào khoảng 12 giờ, ngày 23-4-2021, tại tiệm sửa xe có bảng hiệu “*Vá ép, bơm hơi, vô ga*” trước sân nhà ông Đ V N, sinh năm 1949; cấp tỉnh lộ 941, thuộc khu vực ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang. Bị cáo T V P là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình đã thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 67N1 – 510.70, nhãn hiệu: Honda, loại: Future Neo KVLS, màu: Đen – Xám, số máy: JC35E2728881, số khung: RLHJC35078Y617446 có giá trị 9.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông T; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, hành vi của bị cáo P đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông T với số tiền 9.000.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.2] *Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”:* Vào khoảng 19 giờ ngày 24-4-2021, tại phòng trọ của T V P thuộc thị trấn T T, huyện T T, tỉnh An Giang. Bị cáo D H H là người thành niên, có đủ năng lực

trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Bị cáo không hứa hẹn trước với T V P, nhưng biết rõ xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 do P trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ giùm P. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà cụ thể là trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Như vậy, bị cáo H không hứa hẹn trước với P, nhưng biết rõ xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 do Pháp trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ giùm P nên đủ yếu tố cấu thành tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

[4.1] *Đối với tội “Trộm cắp tài sản”*: Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Song xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo P đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại với lỗi cố ý, gây khó khăn trong cuộc sống kinh tế của họ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm giúp cho bị cáo hiểu được giá trị của lao động, trở thành công dân tốt có ích cho xã hội sau này và cũng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] *Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*: Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Song xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo H dù không hứa hẹn trước với bị cáo P nhưng biết rõ xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 là do bị cáo P trộm mà có được, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc giúp bị cáo P mang tài sản do lấy trộm đi tiêu thụ, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài

sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm giúp cho bị cáo hiểu được giá trị của lao động, trở thành công dân tốt có ích cho xã hội sau này và cũng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cả hai bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho hai bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] *Về tiền sự của bị cáo T V P:* Vào ngày 18-11-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 14 tháng, về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, đến ngày 11-10-2020 chấp hành xong. Do đó, bị cáo có 01 tiền sự.

[8] *Về vật chứng liên quan đến vụ án:* Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã không thu hồi được tài sản mất trộm là xe mô tô biển số 67N1 – 510.70, nhãn hiệu: Honda, loại: Future Neo KVLs, màu: Đen – Xám, số máy: JC35E2728881, số khung: RLHJC35078Y617446. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Người đại diện hợp pháp của bị hại bà T yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại giá trị xe xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 là 9.000.000 đồng. Căn cứ Điều 46 và Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; kết luận định giá tài sản số 46/KL.HĐ ngày 07-6-2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67N1 – 510.70, nhãn hiệu: Honda, loại: Future Neo KVLs, màu: Đen – Xám, số máy: JC35E2728881, số khung: RLHJC35078Y617446, có giá trị 30.000.000 đồng x 30% = 9.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Pháp phải bồi thường thiệt hại giá trị xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 cho bị hại ông T là 9.000.000 đồng.

[10] *Đối với:*

- T V P: Vào các ngày 28-4-2021, 22-5-2021 và 27-5-2021 đã có hành vi trộm cắp tài sản; ngày 02-6-2021, đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên địa bàn huyện T T và huyện T B, tỉnh An Giang; đến ngày 29-9-2021,

Pháp bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tổng hợp hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù.

- D H H: Vào các ngày 28-4-2021 và 22-5-2021, D H H và T V P đã có hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T T và huyện T B, tỉnh An Giang; đến ngày 29-9-2021, Hải bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- N Q Đ: Khi Đ bán xe mô tô biển số 67N1 – 510.70, Đ không biết xe mô tô trên do phạm tội mà có nên không xử lý là có căn cứ và đúng quy định.

- N H P: P không biết mục đích đi trộm cắp tài sản của T V P và cũng không bàn bạc, thỏa thuận gì trước với P về việc trộm cắp tài sản nên không xử lý. Ngoài ra, P có hành vi không tố giác tội phạm trộm cắp tài sản nhưng không thuộc một trong các tội quy định tại Điều 390 của Bộ Luật Hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P là có căn cứ và đúng quy định.

- V V T, V T G: T và G không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là đúng quy định.

[11] *Án phí*: Căn cứ Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo T V P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 650.000đ (sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị cáo D H H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[12] *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo T V P, bị cáo D H H; bị hại ông Đ V T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-01-2022).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H C G, ông N H P, ông N Q Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: Bị cáo T V P phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt T V P 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: Bị cáo D H H phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt D H H 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào: Điều 46 và Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo T V P bồi thường thiệt hại giá trị xe mô tô biển số 67N1 – 510.70 cho bị hại ông Đ V T là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Căn cứ vào: Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo T V P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 650.000đ (sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị cáo D H H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo T V P, bị cáo D H H; bị hại ông Đ V T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-01-2022).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H C G, ông N H P, ông N Q Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đông Hoà

Thành, tỉnh An Giang;
-Lưu văn phòng;
-Lưu hồ sơ.